TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 702/2018/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 981/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh Nguyễn Tiến Đ,** sinh năm 1987; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: dãy N1, tập thể b, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- **Chị Đào Thị B,** sinh năm 1987; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: dãy N1, tập thể b, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đào Thị B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 11 năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hòa giải được.

Nay anh Đ, chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, nên anh Đ, chị B cùng đề nghị được Tòa án giải quyết ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Đ, chị B xác định có một con chung là cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 16.02.2012. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cho chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: anh Đ, chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ: anh Đ, chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Đ tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đào Thị B.

- Về con chung: Anh Đ, chị B xác định có một con chung là cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 16.02.2012. Ly hôn, giao cho chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 11.2018 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của pháp luật thay thế..

Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở..

- Về tài sản chung: anh Đ, chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ: anh Đ, chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đ tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007890 ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My